

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN CƯ M'GAR  
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 18/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 24 – 6 – 2022

V/v: *Ly hôn*

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CƯ M'GAR, TỈNH ĐẮK LẮK**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông Trần Việt Tuấn

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Nguyễn Văn Mạnh, bà Nguyễn Thị Hoài Bảo

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Văn Trung – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cư M'gar, tỉnh Đắk Lắk.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cư M'gar tham gia phiên tòa:** Bà Phạm Thu Thủy – Kiểm sát viên

Ngày 24 tháng 6 năm 2022 tại Tòa án nhân dân huyện Cư M'gar xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 08/2022/TLST–HNGĐ ngày 05 tháng 01 năm 2022 về việc “*Ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 17/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 5 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 17/2022/QĐST-HNGĐ ngày 03 tháng 6 năm 2022, giữa các đương sự:

**\* Nguyên đơn:** Chị Võ Thị N – Sinh năm: 1979 (Có mặt)

Địa chỉ: Thôn T, xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk.

**\* Bị đơn:** Anh Trần Văn B – Sinh năm: 1975 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn T, xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

***Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, nguyên đơn chị Võ Thị N trình bày:***

Chị và anh Trần Văn B tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2000, đến năm 2003 thì mới đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk.

Quá trình chung sống vợ chồng hạnh phúc thời gian đầu, sau đó phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng trong quan điểm sống, tính tình vợ chồng không hòa hợp, thường xuyên phát sinh tranh cãi, hai bên cũng đã cố gắng hòa giải nhiều lần nhưng không có kết quả. Anh B mỗi khi uống rượu về thì hay chửi bới, đánh đập chị.

Nay, xét thấy không còn tình cảm với anh B nữa nên chị N yêu cầu được ly hôn với anh B.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung:

1. Trần Long V - Sinh ngày: 04/8/2001

2. Trần Thị Ngọc A - Sinh ngày: 19/5/2005

Đối với cháu V đã đủ 18 tuổi, có khả năng tự lao động và sống tự lập nên không yêu cầu giải quyết về nuôi dưỡng và cấp dưỡng. Khi ly hôn, chị Như có nguyện vọng trực tiếp nuôi dưỡng cháu Trần Thị Ngọc A cho đến khi cháu đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**Đối với bị đơn anh Trần Văn B:** Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án tiến hành tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án, Giấy triệu tập đương sự và các văn bản tố tụng cho anh Trần Văn Bằng như anh Bằng đều không đến Tòa án làm việc nên Tòa án không tiến hành lấy lời khai của anh Bằng được.

Tại Biên bản xác minh ngày 05/01/2022 tại xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk thể hiện: Anh Trần Văn B hiện cư trú tại Thôn T, xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk, giữa chị N và anh B có phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng trong quan điểm sống, thường xuyên phát sinh cãi vã, không ai nhìn ai, mâu thuẫn đã trầm trọng kéo dài.

**Kiểm sát viên phát biểu quan điểm:** Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng, đồng thời phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau:

Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về: Thẩm quyền giải quyết vụ án, xác định quan hệ pháp luật tranh chấp, thu thập chứng cứ, xác định tư cách của những người tham gia tố tụng, thời hạn chuẩn bị xét xử đúng quy định pháp luật. Nguyên đơn chị Võ Thị N đã thực hiện đúng các quyền, nghĩa vụ theo quy định tại các Điều 70, Điều 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn anh Trần Văn B không chấp hành nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, Điều 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Võ Thị N. Chị Võ Thị N được ly hôn với anh Trần Văn B.

Về con chung: Giao con chung là cháu Trần Thị Ngọc A (Sinh ngày: 19/5/2005) cho chị Võ Thị N trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi cháu đủ 18 tuổi.

Về án phí: Chị Võ Thị N phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

**Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:**

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Đây là vụ án tranh chấp hôn nhân và gia đình về việc ly hôn giữa nguyên đơn là chị Võ Thị N và bị đơn là anh Trần Văn B có địa chỉ tại Thôn T, xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk. Căn cứ theo

quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Đắk Lắk

[2] Về thủ tục tố tụng: Đối với bị đơn anh Trần Văn B đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai đến phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử theo thủ tục vắng mặt đối với anh Trần Văn B là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Võ Thị N và anh Trần Văn B tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2000 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk. Quan hệ hôn nhân giữa chị N và anh B là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Do đó, chị N có yêu cầu ly hôn thì được Tòa án thụ lý giải quyết theo quy định về ly hôn của Luật Hôn nhân và gia đình.

Theo lời khai của nguyên đơn và biên bản xác minh tại địa phương thể hiện trong thời gian chung sống, vợ chồng chị N và anh B thường xuyên phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng trong quan điểm sống, vợ chồng thường xuyên phát sinh tranh cãi, không ai nhịn ai. Do đó, hôn nhân giữa chị N và anh B đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, Hội đồng xét xử xét thấy cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Võ Thị N là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về con chung: Chị N và anh B có 02 con chung là cháu Trần Long V (Sinh ngày: 04/8/2001) và cháu Trần Thị Ngọc A (Sinh ngày: 19/5/2005). Đối với cháu Trần Long V đã đủ 18 tuổi, có khả năng lao động và sống tự lập, chị N không yêu cầu giải quyết về nuôi dưỡng và cấp dưỡng nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết. Đối với cháu Trần Thị Ngọc A chưa đủ 18 tuổi, hiện cháu đang ở với mẹ và cháu cũng có nguyện vọng ở với mẹ là chị Võ Thị N. Hội đồng xét xử xét thấy cần giao cháu Trần Thị Ngọc A cho chị Võ Thị N trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cho đến khi cháu đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Võ Thị N không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Về tài sản chung: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[6] Về án phí: Chị Võ Thị N phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

- Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

**1.** Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Võ Thị N

Chị Võ Thị N được ly hôn với anh Trần Văn B.

**2.** Về con chung: Giao cháu Trần Thị Ngọc A (Sinh ngày: 19/5/2005) cho chị Võ Thị N trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi cháu đủ 18 tuổi

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Võ Thị N không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung nên không xem xét giải quyết.

Anh Trần Văn B có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được cản trở.

**3.** Về án phí: Chị Võ Thị N phải chịu 300.000đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm được trừ khấu trừ vào số tiền 300.000đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0007880 ngày 04/01/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Đắk Lắk.

Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (*Mười lăm*) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND huyện C;
- CCTHADS huyện C;
- Các đương sự;
- UBND xã E;
- Lưu HS;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Trần Việt Tuấn**